

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG**  
**Ngành đào tạo: Cao đẳng Sư phạm Mầm non**

**CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** *Tiếng Anh 1*

**2. Số tín chỉ:** 3 (2,1)

**3.Trình độ:** Cao đẳng

**4. Phân bố thời gian:** Học kỳ 3

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành, kiểm tra: 30 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** Không

**6. Mục tiêu học phần:**

**6.1. Kiến thức:**

*\*) Kiến thức tổng quát*

Nhận biết được các kiến thức ngôn ngữ cần phát triển: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các chủ đề sẽ gặp trong các đơn vị bài học có trong học phần.

*\*) Kiến thức chuyên môn*

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:

- Trình bày được các cấu trúc ngữ pháp, các mẫu câu, cách diễn đạt thông dụng hàng ngày, các từ vựng về các chủ đề sinh hoạt hàng ngày.

- Nhận biết và phân biệt được ý nghĩa, cách sử dụng của các cấu trúc câu, từ vựng và các cách diễn đạt trong các tình huống giao tiếp thường ngày.

- Vận dụng kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng để thực hành một số tình huống và giải một số bài tập cụ thể nhằm nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng thực tiễn của các hiện tượng ngữ pháp và mở rộng số lượng từ vựng.

**6.2. Kỹ năng:**

*\*) Kỹ năng chuyên môn:*

**Nghe:** Nghe, nhớ lại và tóm tắt được nội dung chính của đoạn băng để hỏi đáp các câu hỏi, phân tích dữ kiện, nội dung lấy thông tin để có thể vận dụng phân biệt được câu đúng sai, làm bài tập điền khuyết, nghe nhận thông tin cần thiết hoặc ý chính.

**Nói:** Vận dụng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng để diễn đạt tự nhiên, lưu loát (có thể mắc lỗi ngữ pháp) các nhu cầu giao tiếp cơ bản về các lĩnh vực thuộc đời sống sinh hoạt hàng ngày.

**Đọc:** Đọc, tóm tắt được đại bộ phận thông tin, dữ kiện, ý chính ... của văn bản để vận dụng làm một số dạng bài tập: trả lời câu hỏi, xác định thông tin đúng sai, tìm từ đồng nghĩa, tóm tắt ý chính...

**Viết:** Tái hiện được cấu trúc câu, chủ đề từ vựng để viết về các vấn đề cá nhân, xã hội, mô tả, kể lại sự việc/thông tin, tóm tắt lại nội dung đã nghe/nói/đọc về các vấn đề quen thuộc như bản thân, gia đình, công việc, sở thích, du lịch giải trí, kế hoạch.

**Kỹ năng khác:** Sinh viên làm quen và thực hành làm việc theo cặp, nhóm; biết cách tìm kiếm, khai thác, lựa chọn thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn học.

*\*) Kỹ năng làm việc:*

Giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm; chân tình, cởi mở, thẳng thắn với đồng nghiệp; gần gũi, tôn trọng và hợp tác, chia sẻ với phụ huynh và cộng đồng.

Phân tích, đánh giá được bài soạn và tiết giảng của bản thân và bạn bè, đồng nghiệp

### **6.3. Thái độ:**

Nhận thức được tầm quan trọng của môn học; xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng Internet...

Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp

### **6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

Hợp tác được với bạn học để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

## 7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần gồm 04 bài học, từ bài 1 đến bài 4 cung cấp cho người học một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản: *Các thì trong Tiếng Anh; tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, đại từ chỉ định, động từ to be, các quán từ a/an, giới từ chỉ thời gian...*; cung cấp cho người học một số từ vựng về các chủ đề: *gia đình, kỳ nghỉ, con người, sở thích, mua sắm...* Đồng thời, học phần cũng bao gồm các bài đọc, các bài tập, nhiệm vụ được thiết kế nhằm giúp sinh viên luyện tập và phát triển 04 kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết.. Mỗi phần nhỏ được thiết kế dưới hình thức tổ chức các hoạt động giao tiếp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ (Ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) và giúp sinh viên thực hành các kỹ năng theo mức độ tăng dần từ dễ đến khó và cuối cùng là sử dụng thành thạo ngôn ngữ đã học trong từng bài.

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

\*) *Chuyên cần*: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

\*) *Kiểm tra*: Bao gồm các hình thức sau

Hình thức	Trọng số (tỷ lệ)
- Bài tập cá nhân/1 đơn vị bài học (01 lần điểm hệ số 1)	7 %
- Kiểm tra - đánh giá định kỳ (03 lần điểm hệ số 2)	43 %
- Thi cuối kì (trắc nghiệm 60p)	50%

## 9. Tài liệu học tập

### 9.1 Tài liệu bắt buộc:

[1]. New English File – Elementary Student’s Book, Clive Oxenden, Cristina Latham Koeing và Paul Seligson, NXB Thời đại, 2012.

### 9.2 Tài liệu tham khảo:

[2]. English Grammar in use, Raymond Murphy, NXB TP Hồ Chí Minh, 1995.

[3]. Lifelines – Pre-Intermediate, Tom Hutchinson, Oxford University Press, 2004.

[4]. New Headway– Elementary Student’s Book and Workbook (3<sup>rd</sup> edition), John and Liz Soars, Oxford University Press, 2010.

## 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp
- Đi học chuyên cần, cho phép nghỉ học có lý do tối đa 6 tiết học (20% giờ lý thuyết)
- Nộp đúng hạn các loại bài tập, đảm bảo chất lượng bài tập, bài kiểm tra. Bài tập cá nhân, nhóm nộp muộn trừ 02 điểm/ngày; không quá 02 lần không có minh chứng cho việc chuẩn bị các nội dung mà giảng viên yêu cầu.
- Có đầy đủ điểm thành phần của môn học (cho phép thực hiện lại không quá 01 lần bài kiểm tra học trình/học phần nếu không đạt).
- Dụng cụ học tập: Sinh viên phải có đủ giáo trình, ngoài ra có thể tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo trên thư viện hoặc truy cập trên Internet.
- Thang điểm: 10/10

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
1A: Nice to meet you 1B: I’m not English, I’m Scottish 1C: His name, her name 1D: Turn off your mobiles!	7	6

Practical English: On a plane Writing: Completing a form		
2A: Cappuccino and chips 2B: When Natasha meets Darren... 2C: An artist and a musician 2D: Relatively famous  Writing: An informal e-mail/letter Practical English: At a hotel	7	6
<b><i>Test 1</i></b>	<b>0</b>	<b>2</b>
3A: Pretty woman 3B: Wake up, get out of bed... 3C: The island with a secret 3D: On the last Wednesday in August  Practical English: in a coffee shop Writing: A magazine article	8	6
<b><i>Test 2</i></b>	<b>0</b>	<b>2</b>
4A: I can't dance 4B: Shopping- men love it! 4C : Fantal attraction ? 4D : Are you still mine ?  Practical English: in a clothes shop Writing: Describing a friend	8	6
<b><i>Test 3</i></b>	<b>0</b>	<b>2</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>30</b>

***\* Hướng dẫn thực hiện***

- Giáo viên có đầy đủ tài liệu (giáo trình, sách tham khảo) để hướng dẫn sinh viên học và tự học học phần Tiếng Anh 1.

- Sinh viên làm bài tập theo yêu cầu, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện.

**12. Cấp phê duyệt**

**13. Ngày phê duyệt**